TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 749/2024/HC-PT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Ngày 22 tháng 7 năm 2024	
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1088/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1190/2023/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 534/2024/QĐPT-HC ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: 5 K, Khu phố A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Uy D, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 349 Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Lê Thị Kim T2 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (vắng mặt).

- Ông Đoàn Thái T3 - Phó Trưởng Phòng - Phòng Nghiệp vụ thực hiện dự án số A (có mặt).

- Ông Nguyễn Trần Thanh P - Tổ trưởng - Phòng Nghiệp vụ thực hiện dự án số 01 (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H tổ E, ấp F, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số G tổ F, ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A1/7 Ấp 1, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố

3.4 Bà Đặng Thị C, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.5 Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Nguyễn Thanh T4, bà Đặng Thị C và bà Nguyễn Thị Tuyết N: Ông Phạm Phong P1, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: E Nguyễn Hữu T5, khu phố E, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6 Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7 Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8 Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố H.

3.9 Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10 Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bạch T do ông Phạm Phong P1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/07/1993, Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C2 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 770013, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 949/QSDĐ/1993 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/07/1993. Các thành viên trong hộ thời điểm cấp giấy chứng nhận bao gồm: ông Nguyễn Văn C2, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Đặng Thị C và bà Nguyễn Thị Bạch T.

Ngoài ra, cha mẹ bà T là ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1945, chết ngày 09/9/2021 và bà Lê Thị X, sinh năm 1943, chết năm 22/4/2010 cũng là thành viên trong hộ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận. Khi cha mẹ bà T chết không để lại di chúc nên những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ gồm những người có tên sau:

Cha của ông Nguyễn Văn C2 chết trước ông C2 từ lâu, không nhớ rõ họ tên và không có giấy chứng tử. Mẹ của ông Nguyễn Văn C2 chết trước ông C2 từ lâu, không nhớ rõ họ tên và không có giấy chứng tử.

Cha của bà Lê Thị X chết trước bà X từ lâu, không nhớ rõ họ tên và không có giấy chứng tử. Mẹ của của bà Lê Thị X chết trước bà X từ lâu, không nhớ rõ họ tên và không có giấy chứng tử.

Cha mẹ bà T có tất cả 09 người có tên sau: ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T6 (chết ngày 16/2/2021), bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Nguyễn Thanh T4, ông Nguyễn Văn H1 (năm sinh 1978, chết năm 1979 chết từ nhỏ nên không có chứng tử mà có ghi chú trong Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngoài thành năm 1977), ông Nguyễn Văn T7 (năm sinh 9/1980, chết 12/1980 chết từ nhỏ nên không có chứng tử mà có ghi chú trong Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngoại thành năm 1977), bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Đặng Thị C và bà Nguyễn Thị Bạch T.

Ông Nguyễn Văn T6 chết không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Thắng G: Cha ông T6 là ông Nguyễn Văn C2, chết ngày 09/9/2021; mẹ ông T6 là bà Lê Thị X, chết ngày 22/4/2010; vợ ông T6 là bà Phạm Thị L2, chết ngày 10/8/2021; ông T6 có 05 người con là: ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985, ông Nguyễn Văn C1, năm sinh 1988, bà Nguyễn Thị Kim O, năm sinh 1989, ông Nguyễn Thành L1, năm sinh 1990, bà Nguyễn Thanh H, năm sinh 1992.

Bà Phạm Thị L2 chết sau chồng là ông T6 và cũng không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 gồm: Cha của bà Phạm Thị L2 không rõ họ tên, chết trước bà Liên t lâu, không lập chứng tử; Mẹ của của bà Phạm Thị L2 là bà Phạm Thị Ú, sinh năm 1942; Chồng bà L2 là ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1968, đã chết ngày 16/02/2021; bà L2 có 05 người con gồm: ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985, ông Nguyễn Văn C1, năm sinh 1988, bà Nguyễn Thị Kim O, năm sinh

1989, ông Nguyễn Thành L1, năm sinh 1990, bà Nguyễn Thanh H, năm sinh 1992.

Vì vậy, phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Văn C2 và bà Lê Thị X thuộc quyền thừa kế của 12 người gồm: ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Nguyễn Thanh T4, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị Bạch T, bà Phạm Thị Ú, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thanh H. Trong đó, bà Phạm Thị Ú đã lập văn bản từ chối nhận di sản số 001517 do Văn phòng C4 lập ngày 04/3/2022 để từ chối nhận phần di sản nêu trên.

Ngày 23/6/2022, những người có quyền thừa kế nêu trên đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng Nguyễn Duy C3 với nội dung: ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thanh H đã tặng cho toàn bộ phần thừa kế đối với thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Nguyễn Thanh T4, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị Bạch T, theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 004808 do Văn phòng công chứng Nguyễn Duy C3 lập ngày 23/6/2022.

Như vậy, tổng kết phần quyền sử dụng do là thành viên trong hộ và quyền thừa kế nêu trên thì toàn bộ thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của 05 người là bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Nguyễn Thanh T4, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị Bạch T.

Ngày 30/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định số 7972/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

Cùng ngày 30/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện B cũng ban hành thêm Quyết định số 8496/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn C2, địa chỉ thường trú: 1542 (A) Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B và Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B số 279/PA-HĐBT.

Ngày 27/9/2022, bà T nhận được Quyết định số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Văn C2; Địa chỉ thường trú: 1542 (A) Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B và Phương án hỗ trợ bổ sung dự án xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B số 1158/PA-HĐBT ngày 05/9/2022 của Hội đồng bồi thường dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B với nội dung bổ sung hỗ trợ thêm 0,3 m^2 theo giá đất nông nghiệp với số tiền là 57.600 đồng

Tuy nhiên, bà T hoàn toàn không đồng ý với chính sách bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vì không đúng quy định pháp luật. Cụ thể:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi diện tích 96,1 m^2 nhưng chỉ tính giá đền bù trên 58,4 m^2, còn lại 37,7 m^2 không đền bù mà cho rằng đã đền bù năm 1998 nhưng gia đình bà T chưa được nhận.

Thứ hai, phần đất của gia đình bà T bị thu hồi thuộc thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo số: A 770013, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 949/QSDĐ/1993 do Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/07/1993, với mục đích sử dụng được công nhận là đất thổ. Tuy nhiên, khi tính tiền đền bù lại tính là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Trong khi trên đất gia đình bà T ở từ rất lâu, ngay mặt tiền đường N, ngay khu chợ đã xây dựng nhà chật kín từ rất lâu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi rõ đất thổ cư. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện B không biết lấy căn cứ nào ghi là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.

Thứ ba, phần nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc gồm nhà diện tích xây dựng 40,6 m^2 + lửng: sàn gỗ 15,2 m^2, mái che tôn 22,1 m^2 Sân xi măng 25,8 m^2 mà Ủy ban nhân dân huyện B ghi là xây dựng năm 2008 và nằm trong ranh 1998 và đất nhà nước quản lý không tính bồi thường là hoàn toàn không đúng. Các công trình trên nằm ngay mặt tiền đường N, nơi có chợ T8 trên 20 năm. Thời điểm này kinh tế còn chưa phát triển, khu vực này là nông thôn nên nhà nước cho xây dễ dàng để buôn bán, làm ăn chứ đâu bắt giấy phép gì nên khu vực này nhà đã xây chật kín từ rất lâu. Vậy mà Ủy ban nhân dân huyện B ghi là xây dựng năm 2008 và không tính bồi thường. Ngoài ra, quyết định thu hồi đất cũng ghi ranh 1998 có 37,7 m^2/96,1 m^2 mà Ủy ban nhân dân huyện B lại xác định các công trình xây dựng nằm trên 96,1 m^2 bị thu hồi nằm trong ranh 1998. Tài sản bằng mồ hôi nước mắt của người dân mà khi thu hồi giải tỏa lại không đền bù cho người dân, vi phạm nghiêm trọng quyền về tài sản của người dân. Quyền mà hiến pháp và pháp luật nhà nước đều quy định rõ và được bảo vệ.

Thứ tư, Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi nhà đất do gia đình bà T đang làm ăn sinh sống mà không hề có chính sách hỗ trợ chuyển chỗ ở, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, kinh doanh.

Vì lý do trên, nay bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nội dung sau:

Hủy Quyết định số 7972/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

Hủy quyết định số 8496/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn C2, địa chỉ thường trú: 1542 (A) Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B

kèm phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B số 279/PA-HĐBT ngày 30/11/2021.

Hủy Quyết định số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Văn C2; Địa chỉ thường trú: 1542 (A) Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B kèm phương án hỗ trợ bổ sung dự án xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B số 1158/PA-HĐBT ngày 05/9/2022 của Hội đồng bồi thường dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường quyền sử dụng đất đúng diện tích bị thu hồi là 96,1 m^2 với giá đền bù là đất ở vị trí mặt tiền đường N và bồi thường quyền sở hữu nhà, công trình trên đất tại một phần tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do bị thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B cho gia đình bà Nguyễn Thị Bạch T theo đúng quy định pháp luật.

Theo nội dung văn bản ý kiến số 4296/UBND ngày 24/11/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B do ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

1. Nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T.

Khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ các quyết định gồm: Quyết định số 7972/QĐ-UBND, Quyết định số 8496/QĐ-UBND và Phương án bồi thường, hỗ trợ số 279/PA-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện B;

2. Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7972/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn Huyện B.

Căn cứ Quyết định số 5854/QĐ-SGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Sở G1 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp mở rộng đường N (Hương lộ D) trên địa bàn huyện B;

Căn cứ Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện B;

Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về triển khai công tác thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp mở rộng đường N (Hương lộ D) trên địa bàn huyện B;

Căn cứ Công văn số 1839/UBND-ĐT ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp mở rộng đường N, xã T, huyện B;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 về nguồn ngân sách thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện B;

Căn cứ Thông báo số 1933/TB-UBND ngày 30 tháng 11 năm 20 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B;

Phần đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án Nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, có diện tích 96,1m^2, thuộc một phần thửa số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản của hộ ông Nguyễn Văn C2 ngày 18 tháng 10 năm 2017 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 21 tháng 10 năm 2021, như sau: Nguồn gốc, tình trạng pháp lý: được cấp GCNQSDĐ số 949QSD/1993 ngày 15 tháng 7 năm 1993 do Ủy ban nhân dân huyện C5 cho ông Nguyễn Văn C2.

Trong đó:

Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 96,1 m^2. Gồm thửa: một phần thửa đất số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí đất do công ty TNHH Đ đo vẽ, diện tích trong ranh mở rộng đường N là:

- Diện tích bị ảnh hưởng: 58,4 m^2.

- Diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là: 34,8m^2

- Diện tích rạch, đường là: 2,9 m^2.

Đất nhà nước trực tiếp quản lý: 2,9 m^2 đường đi theo tài liệu BĐĐC.

Theo Giấy chứng nhận số 949QSD/1993 ngày 15 tháng 7 năm 1993 do Ủy ban nhân dân huyện C5 cho ông Nguyễn Văn C2, một phần thửa đất số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) loại đất Thổ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7972/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn Huyện B. Tổng diện tích thu hồi 96,1 m^2. Gồm thửa: một phần thửa đất số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã T, huyện B. Trong đó, có 37,7/96,1m^2 thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H (nay là đường N), đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7972/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 là đúng quy định.

3. Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8496/QĐ-UBND và Phương án bồi thường, hỗ trợ số 279/PA-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021.

3.1. Nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất.

Phần đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án Nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, có diện tích 96,1m2, thuộc một phần thửa số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo Bản đồ hiện trạng nhà do Công ty TNHH Đ lập ngày 26 tháng 8 năm 2019, thể hiện:

+ Nhà 1: Cột sắt, nền ceramic, mái tôn, vách gạch + tole: 38,0 m²

+ Nhà 2: Cột BTCT, nền ceramic, mái tôn, vách gạch + tole: 2,6 m²

+ Mái che 1: nền xi măng, mái tôn: 7,6m^2.

+ Mái che 2: Cột sắt, nền xi măng, mái tôn: 14,5m^2.

+ Lửng: san gỗ: 15,2m².

+ Sân xi măng: 25,8 m²

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản của hộ ông Nguyễn Văn C2 ngày 18 tháng 10 năm 2017 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 21 tháng 10 năm 2021, như sau: Nguồn gốc, tình trạng pháp lý: được cấp GCNQSDĐ số 949QSD/1993 ngày 15 tháng 7 năm 1993 do Ủy ban nhân dân huyện C5 cho ông Nguyễn Văn C2, diện tích 96,1m2, thời điểm xây dựng năm 2008, mục đích để ở, hiện không tranh chấp.

Trong đó:

Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 96,1 m^2. Gồm thửa: một phần thửa đất số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí đất do công ty TNHH Đ đo vẽ, diện tích trong ranh mở rộng đường N là:

- Diện tích bị ảnh hưởng: 58,4 m^2.

- Diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là: 34,8m^2

- Diện tích rạch, đường là: 2,9 m^2.

Đất nhà nước trực tiếp quản lý: 37,7 m^2 đường đi theo tài liệu BĐĐC.

Theo Giấy chứng nhận số 949QSD/1993 ngày 15 tháng 7 năm 1993 do Ủy ban nhân dân huyện C5 cho ông Nguyễn Văn C2, một phần thửa đất số 102, Đ,

đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) loại đất Thổ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7972/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn Huyện B

3.2. Tính bồi thường, hỗ trợ về đất

Căn cứ khoản 1, Phần II, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, đất nông nghiệp: *"Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1: đơn giá 240.000 đồng/m^2 x hệ số điều chỉnh được duyệt 17,921",* cụ thể:

- Đất trồng cây lâu năm vị trí 1, thuộc một phần thửa số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), thuộc Bộ địa chính xã T. Diện tích 58,4m^2 x đơn giá 240.000 đồng/m^2 x hệ số điều chỉnh được duyệt 17,921 = 251.180.736 đồng.

- Một phần thửa số thửa số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), thuộc Bộ địa chính xã T, diện tích: 37,7m^2, phần đất này nằm trong ranh dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B năm 1998 và đất nhà nước quản lý không bồi thường, hỗ trợ.

Do đó, đối với phần đất diện tích 96,1m^2 của hộ ông Nguyễn Văn C2 ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp và mở rộng đường N thuộc một phần thửa số 102, Đ, đường tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 366, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992), thuộc Bộ địa chính xã T, Ủy ban nhân dân huyện B tính bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng lâu năm vị trí 1, theo Khoản 1, Phần II, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021, với đơn giá: với đơn giá: 240.000 đồng/m^2 x hệ số điều chỉnh được duyệt 17,921 là đúng quy định

3.3. Tính bồi thường tài sản gắn liền với đất:

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản của hộ ông Nguyễn Văn C2 ngày 18 tháng 10 năm 2017 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 21 tháng 10 năm 2021, như sau: Nguồn gốc, tình trạng pháp lý: được cấp GCNQSDĐ số 949QSD/1993 ngày 15 tháng 7 năm 1993 do Ủy ban nhân dân huyện C5 cho ông Nguyễn Văn C2, diện tích 96,1m2, thời điểm xây dựng năm 2008, mục đích để ở, hiện không tranh chấp, cụ thể:

+ Nhà 1: Cột sắt, nền ceramic, mái tôn, vách gạch + tole: 38,0 m^2

+ Nhà 2: Cột BTCT, nền ceramic, mái tôn, vách gạch + tole: 2,6 m^2

+ Mái che 1: nền xi măng, mái tôn: 7,6m^2.

+ Mái che 2: Cột sắt, nền xi măng, mái tôn: 14,5m^2.

+ Lửng: san gỗ: 15,2m².

+ Sân xi măng: 25,8 m²

Căn cứ Phần IV, Chương IV Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, về bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân.

Do, P2 vật kiến trúc xây dựng năm 2008, nằm trong ranh 1998 và đất Nhà nước quản lý không tính bồi thường, hỗ trợ.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8496/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 là đúng quy định. Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng không công nhận nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T, giữ nguyên nội dung Quyết định số 8496/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021, Quyết định số 7972/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định bồi thường bổ sung số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Nguyễn Thanh T4, bà Đặng Thị C và bà Nguyễn Thị Tuyết N do ông Phạm Phong P1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của người khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Văn Q vắng mặt có bản tự khai ngày 25/4/2023 trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của người khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1190/2023/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T.

1.1 Hủy một phần Quyết định số 7972/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, về đoạn nội dung tại Điều 1 của Quyết định: "Phần diện tích 37,7/96,1m^2 thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường H, huyện B (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D huyện B".

1.2 Huỷ Quyết định số 8496/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm Phương án bồi thường hỗ trợ số 279/PA-HĐBT ngày 30/11/2021) đối với hộ Nguyễn Văn C2; địa chỉ thường trú: 1542(A) ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

1.3 Hủy Quyết định số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (Kèm Phương án hỗ trợ bổ sung số 1158/PA-HĐBT ngày 05/9/2022) đối với hộ Nguyễn Văn C2; địa chỉ thường trú: 1542(A) ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật, ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với hộ Nguyễn Văn C2; địa chỉ thường trú: 1542(A) ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/8/2023 và ngày18/8/2023, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 28/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý với một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với phần không bồi thường phần diện tích đất 37,7m^2. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không đồng ý kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cần khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét thấy Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có can cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với kháng cáo của người bị kiện không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được làm đúng thời hạn, hình thức và nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà T khởi kiện các quyết định: Quyết định thu hồi đất số 7972/QĐ ngày 30/11/2021 và Quyết định bồi thường số 8496/QĐ-UBND ngày 30/11/2021, Quyết định bồi thường bổ sung số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp mở rộng đường N (Hương lộ D) trên địa bàn huyện B.

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các Quyết định bị kiện nêu trên theo đúng quy định tại Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai 2013.

[4.2] Xét nội dung Quyết định số 8496/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 (Kèm Phương án bồi thường hỗ trợ số 279/PA-HĐBT ngày 30/11/2021):

[4.2.1] Xét diện tích 58,4m^2 thuộc thửa 366, tờ bản đồ số 01 (TL 02):

Theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 12/9/2019 và theo Giấy chứng nhận số 949/QSD/1993 ngày 15/7/1993 của hộ ông Nguyễn Văn C2 thể hiện: Phần đất 58,4m^2 thuộc thửa 366 (Tài liệu CT/02), thuộc thửa 102 (Tài liệu 2005) là loại đất (Thổ).

Theo Giấy xác nhận ngày 02/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Nhà tự xây năm 2008, mục đích để ở, không tranh chấp.

Căn cứ Quyết định 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của T9 thể hiện: đất ký hiệu T là mục đích để ở và căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật đất đai năm 2013 thì phần đất nêu trên ông C2 bị thu hồi phải tính là loại đất ở.

[4.2.2] Xét diện tích 37,4m^2 thuộc thửa 366, tờ bản đồ số 01 (TL 02):

Ủy ban nhân dân huyện B không tính bồi thường, vì thuộc ranh của dự án mở rộng Hương lộ 4 vào năm 1998 đã giải quyết bồi thường cho ông C2.

Theo hồ sơ Ủy ban nhân dân huyện B cung cấp: Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ mở rộng Hương lộ 4 năm 1998, thể hiện chỉ bồi thường hỗ trợ cho ông C2 06m^2 đất vườn và cây trồng, tổng bồi hoàn là 658.000 đồng. Ngoài ra, không còn tài liệu nào chứng minh cho việc đã bồi thường hay hiến đất của hộ ông Nguyễn Văn C2 với diện tích 37,4m^2 để mở rộng Hương lộ 4 vào năm 1998.

Theo Giấy chứng nhận số 949/QSD/1993 ngày 15/7/1993 của ông Nguyễn Văn C2 thể hiện: diện tích thửa 366, tờ bản đồ 01 (Tài liệu CT/02) là đất (T) là đất để ở như đã phân tích ở trên.

Do đó, căn cứ vào Điều 74, 75 Luật đất đai năm 2013, ông C2 được bồi thường về phần đất (37,4m^2- 6m^2 đã bồi thường bằng đất vườn năm 1998) = 31,4 m^2. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cần phải tính bồi thường (58,4m^2 + 31,4m^2 = 90,1m^2) theo loại đất ở cho hộ ông C2 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện B kháng cáo cho rằng phần diện tích 37,4m^2 đã được bồi thường, hỗ trợ cho dự án mở rộng Hương lộ D (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định 642/QĐ-UB-KT ngày 04/02/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B, nhưng không có tài liệu chứng minh cho việc bồi thường phần đất này hoặc tài liệu hiến đất của hộ ông Nguyễn Văn C2 nên không có cơ sở chấp nhận.

[4.2.3] Xét về bồi thường hỗ trợ, tài sản trên đất bị thu hồi:

Như đã phân tích ở trên, căn cứ vào Điều 74, 75, 89 Luật đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi diện tích 96,1m^2 thực hiện dự án mở rộng đường N năm 2021, hộ ông C2 đủ điều kiện bồi thường về đất ở thì phải bồi thường về tài sản trên đất. Do đó, người khởi kiện yêu cầu được bồi thường về nhà ở và các công trình phụ trên đất ở bị thu hồi là có cơ sở.

[4.3] Xét nội dung Quyết định số 7972/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất:

Diện tích thu hồi đất của hộ Nguyễn Văn C2 trong dự án mở rộng đường N, tổng diện tích 96,1m^2 là đúng diện tích. Tuy nhiên, đoạn nội dung ghi tại Điều 1 của Quyết định, có nội dung: *"phần diện tích 37,7m^2 /96,1m^2 đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định 642/QĐ-UB-KT ngày 04/02/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B"* là không đúng như đã xem xét phân tích ở trên (không có tài liệu chứng cứ đã bồi thường 37,4m^2 vào năm 1998). Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất ghi đoạn nội dung nêu trên là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy đoạn nội dung này của Quyết định là phù hợp.

[4.4] Xét nội dung Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 (Kèm Phương án hỗ trợ bổ sung số 1158/PA-HĐBT ngày 05/9/2022):

Như đã phân tích nêu trên, phần đất 96,1 m^2 bị thu hồi thuộc thửa 366, tờ bản đồ 01 (Tài liệu CT/02) là đất (T) là đất để ở nên Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện chính sách bồi thường theo quy định pháp luật. Do đó, Quyết định

số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 chỉ hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 9041/QĐ-UBND đối với hộ ông C2 là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 5857/QĐ-VKS-HC ngày 28/7/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1190/2023/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T.

1.1 Hủy một phần Quyết định số 7972/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn C2 sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, về đoạn nội dung tại Điều 1 của Quyết định: "Phần diện tích 37,7/96,1m^2 thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường H, huyện B (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D huyện B".

1.2 Huỷ Quyết định số 8496/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm Phương án bồi thường hỗ trợ số 279/PA-HĐBT ngày 30/11/2021) đối với hộ Nguyễn Văn C2; địa chỉ thường trú: 1542(A) ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

1.3 Hủy Quyết định số 9041/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (Kèm Phương án hỗ trợ bổ sung số 1158/PA-HĐBT ngày 05/9/2022) đối với hộ Nguyễn Văn C2; địa chỉ thường trú: 1542(A) ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật, ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với hộ Nguyễn Văn C2; địa chỉ thường trú: 1542(A) ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B theo đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003157 ngày 11/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004087 ngày 26/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy